**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **TRANG** |
| **Theo Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước, Khoáng sản, Môi trường, Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội** | | |
| **1** | **Đăng ký khai thác nước dưới đất** | **3** |
| **2** | **Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến** | **6** |
| **3** | **Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở kinh doanh xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền dưới 20m3/tấn** | **8** |
| **Theo Quyết định 1838/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính thay thế; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Đo đạc, bản đồ và viễn thám thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên thông với Bộ Tài nguyên và Môi trường** | | |
| **4** | **Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ** | **19** |
| **Theo Quyết định 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội** | | |
| **5** | **Cấp Giấy phép môi trường** | **22** |
| **6** | **Cấp đổi Giấy phép môi trường** | **45** |
| **7** | **Cấp điểu chỉnh Giấy phép môi trường** | **50** |
| **8** | **Cấp lại Giấy phép môi trường** | **55** |
| **Theo Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội** | | |
| **9** | **Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện** | **79** |
| **10** | **Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư** | **80** |
| **11** | **Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất** | **83** |
| **12** | **Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân** | **88** |
| **13** | **Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam** | **92** |
| **14** | **Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam** | **108** |

**1. Thủ tục: Đăng ký khai thác nước dưới đất**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời hạn giải quyết** | **Cách thức thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| 10 ngày làm việc  - Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã. UBND cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho UBND cấp huyện  - Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân | - Nộp hồ sơ: UBND cấp xã phát trực tiếp tờ khai cho tổ chức, cá nhân; Tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho UBND cấp xã hoặc UBND cấp huyện.  Thành phần hồ sơ:  Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 38 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.  - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện gửi một (01) bản tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân | Không | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012:  - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ;  - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục:**  **Mẫu số 38** (theo Thông tư số Số: 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ TNMT)    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  -------------------**    **TỜ KHAI  ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  **A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:  1.1. Tên tổ chức/cá nhân:............................................................. *(Đối với tổ chức ghi đầy đủ*  *tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ*  *tên theo Chứng minh nhân dân).*  1.2. Địa chỉ liên hệ:..........................................................................................................  1.3. Số điện thoại liên hệ *(nếu có)*: …………………......................................................  2. Thông tin về công trình khai thác:  2.1. Vị trí công trình:........................................................................................................  *(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước*  *dưới đất)*  2.2. Chiều sâu khai thác:............(m);  2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: …......... *(m3/ngày đêm);*  2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước:............................................................................  *(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh,*  *dịch vụ hoặc các mục đích khác)*     |  |  | | --- | --- | |  | *.........., ngày..... tháng........ năm..............* **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ** *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)* |     **B – UBND QUẬN XÁC NHẬN CÁC NỘI DUNG SAU**  1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức/cá nhân xin đăng ký.  2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.  3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo  và trả Tờ khai thông qua Tổ trưởng tổ dân phố *(hoặc trưởng thôn, ấp, phum, bản, sóc)* để  báo cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan quản lý; thực  hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước  dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá  trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.  (1) Ghi tên công trình thăm dò, vị trí và quy mô thăm dò  (1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế  (1) Ghi công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế  (1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác  (1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác  (1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác  (1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác  (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước   (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước  (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước  (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước  (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước  (1) Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước  (1) Ghi tên, địa chỉ cơ sở và quy mô xả nước thải   (1) Các trường hợp xả nước thải ra biển; xả nước thải với quy mô dưới 20m3/ngày đêm và  không chứa hóa chất độc hại thì không phải thực hiện nội dung Mục này  (1) Ghi tên, địa chỉ cơ sở và quy mô xả nước thải   (2) Các trường hợp xả nước thải ra biển; xả nước thải với quy mô dưới 20m3/ngày đêm và  không chứa hóa chất độc hại thì không phải thực hiện nội dung Mục này.  (1) Ghi tên, địa chỉ cơ sở và quy mô xả nước thải |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Thủ tục: Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời hạn giải quyết** | **Cách thức thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, phòng TNMT có trách nhiệm giúp UBND cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình UBND cấp huyện gửi cho chủ đầu tư  \* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ đầu tư. | - Nộp hồ sơ: Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới UBND cấp huyện và phòng TNMT cấp huyện  Thành phần hồ sơ:  - Văn bản lấy ý kiến  - Quy mô, phương án chuyển nước  - Phương án xây dựng công trình và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan.  - Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời: Phòng TNMT tổ chức lấy ý kiến, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu các cơ quan có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình là thành phần của hồ sơ dự án khi trình UBND cấp huyện phê duyệt văn bản trả lời  - Trả kết quả: phòng TNMT cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án. | Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;  - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ;  - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**3. Thủ tục:** Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở kinh doanh xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền dưới 20m3 (tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời hạn giải quyết** | **Cách thức thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| 15 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp huyện có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ  - Thời hạn thẩm định kế hoạch: trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định KHUPSC tràn dầu của cơ sở.  - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại KHUPSC tràn dầu không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi KHUPSC tràn dầu được bổ sung hoàn chỉnh là mười bốn (14) ngày làm việc  - Thời hạn trả KHUPSC tràn dầu: trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày KHUPSC tràn dầu của cơ sở được phê duyệt, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính UBND cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định KHUPSC tràn dầu để nhận quyết định và quyển KHUPSC tràn dầu | - Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định phê duyệt nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính UBND cấp huyện  - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:  + Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính UBND cấp huyện trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định phê duyệt KHUPSC tràn dầu và thông báo lý do (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt) hoặc nội dung kế hoạch chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại)  + Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính UBND cấp huyện thông báo và trả quyết định phê duyệt KHUPSC tràn dầu và quyển kế hoạch đã được phê duyệt cho tổ chức, cá nhân đề nghị (đối với trường hợp đủ điều kiện phê duyệt) | Không quy định | - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;  - Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; |

**PHỤ LỤC 02**

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU  
***(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp quận/huyện/thị xã)****(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … *V/v đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của (2)* | *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ….* |

Kính gửi: …….…….(3)…………….

Chúng tôi là: (1), chủ cơ sở (2);

- Địa điểm cơ sở:...;

- Địa chỉ liên hệ:...;

- Điện thoại:...; Fax:...; E-mail:...

Xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

*(Thành phần hồ sơ và số lượng từng loại)*

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở (2)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên: - Lưu:... | (4) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

**Ghi chú:**

(1) Chủ cơ sở;

(2) Tên đầy đủ của cơ sở;

(3) UBND quận/ huyện/thị xã;

(4) Đại diện có thẩm quyền của cơ sở.

**PHỤ LỤC 04**

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

***(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp quận/huyện/thị xã)****(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)*

**1. MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA**

(Tên cơ quan chủ quản)

(Chủ cơ sở)

**KẾ HOẠCH**

**ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

của (1)

|  |  |
| --- | --- |
| CHỦ CƠ SỞ (\*)  (Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở ký, ghi họ tên, đóng dấu) | ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*) (Đại diện có thẩm quyền của đơn vị ký, ghi họ tên, đóng dấu) |

Tháng... năm …..

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở;

(\*): Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

**2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ**

- Mục lục

- Danh mục chữ viết tắt (nếu có)

**CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU**

**1.1. Giới thiệu tổng quan cơ sở**

***1.1.1. Thông tin về cơ sở***

- Tên cơ sở:

- Người đại diện:

- Địa chỉ:

- Điện thoại - Fax:

- Thông tin khác có liên quan (nếu có):

***1.1.2. Thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu của cơ sở***

- Liệt kê các hoạt động được phép kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu;

- Liệt kê các đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

**1.2. Giới thiệu về các đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu**

***1.2.1. Đối tượng thứ nhất, bao gồm các thông tin sau:***

- Tên, vị trí:

- Quy mô, đặc điểm.

- Các loại dầu hiện có.

- Quy trình (nguyên tắc), công nghệ hoạt động.

- Sơ đồ tổng mặt bằng, hình ảnh mô tả.

- Mô tả đối tượng, khu vực xung quanh.

- Thông tin khác có liên quan (*nếu có*).

***1.2.2. Đối tượng thứ n: Thông tin giống đối tượng thứ nhất.***

*(Đối với các đối tượng giống nhau về Đặc điểm điều kiện tự nhiên thì chỉ mô tả cho một đối tượng).*

**CHƯƠNG 2. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**2.1. Mục đích, đối tượng**

**2.2. Phạm vi**

- Phạm vi triển khai Kế hoạch.

- Quy mô tràn dầu cơ sở tự ứng phó (nêu rõ lượng dầu tràn).

- Quy mô tràn dầu cơ sở cần đến sự trợ giúp bên ngoài.

**2.3. Cơ sở pháp lý**

- Cơ sở pháp lý của cơ sở;

- Cơ sở pháp lý có liên quan đến hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

**CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN NGUY CƠ TRÀN DẦU**

**3.1. Thống kê các sự cố tràn dầu đã xảy ra của cơ sở**

**3.2. Các nguồn tiềm ẩn nguy cơ tràn dầu**

- Đánh giá các nguy cơ có thể gây ra sự cố tràn dầu trong quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

- Phân tích nguyên nhân, tính toán lượng dầu tràn đối với từng nguy cơ gây sự cố tràn dầu.

**3.3. Khu vực chịu tác động bởi sự cố tràn dầu**

Dự báo những khu vực có khả năng chịu tác động bởi sự cố tràn dầu và mức độ ảnh hưởng.

**CHƯƠNG 4. TRANG THIẾT BỊ, NHÂN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

**4.1. Công trình và trang thiết bị ứng phó**

***4.1.1. Công trình và trang thiết bị ứng phó hiện có***

*4.1.1.1. Đối với kho, bể chứa dầu*

- Mô tả các đặc điểm, chức năng, quy mô, vị trí của các công trình hiện có

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng; vị trí để của các vật liệu trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy;

- Số lượng thiết bị âm thanh, phương tiện, biển cảnh báo.

*4.1.1.2. Đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền*

- Mô tả các đặc điểm, chức năng, quy mô, vị trí của các công trình hiện có

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí để của các vật liệu, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy;

- Số lượng thiết bị âm thanh, phương tiện, biển cảnh báo.

***4.1.2. Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và công trình ứng phó sự cố tràn dầu***

- Cơ sở căn cứ vào vị trí có nguy cơ và lượng dầu tràn đã được tính toán (tại Mục 3.2) và đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng trang thiết bị, công trình ứng phó sự cố tràn dầu hiện có (tại Mục 4.1.1) để lên kế hoạch đầu tư, sắm trang thiết bị.

- Cơ sở cần nêu rõ thời gian hoàn thành việc đầu tư, sắm trang thiết bị.

\* Ghi chú: *Cơ sở phải đầu tư hoặc hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra.*

**4.2. Nhân lực tham gia ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở**

***4.2.1. Nhân lực ứng phó của cơ sở***

*4.2.1.1. Ban Chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu*

- Danh sách thành viên (lập biểu), bao gồm các thông tin sau: Họ và tên, chức danh trong Công ty, chức danh trong Ban Chỉ huy (Trưởng ban, phó ban, ủy viên ...), số điện thoại (di động),

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy (trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên).

*4.2.1.2. Đội ứng phó sự cố tràn dầu*

- Danh sách thành viên (lập biểu), bao gồm các thông tin sau: Họ và tên, chức danh trong cơ sở, chức danh trong Đội (Đội trưởng, đội phó, đội viên), số điện thoại (di động)

- Chức năng, nhiệm vụ của Đội ứng phó sự cố tràn dầu.

*Lưu ý:*

+ Đối với cơ sở có nhiều đối tượng phải lập Kế hoạch và các đối tượng này phân bổ tại nhiều địa điểm khác nhau, không thuận tiện trong công tác ứng phó thì mỗi đối tượng phải có 01 Đội ứng phó riêng; Đội trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý chung cao nhất tại đối tượng phải lập kế hoạch như: Cửa hàng trưởng, quản đốc, xí nghiệp.

+ Chủ cơ sở phải có Quyết định thành lập Ban Chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo bản Kế hoạch.

***4.2.2. Nhân lực đề nghị ứng phó bên ngoài***

Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu vượt khả năng tự ứng phó của cơ sở, chủ cơ sở phải có sự hỗ trợ ứng phó từ các cơ quan, tổ chức bên ngoài (lập biểu bao gồm các thông tin: Tên cơ quan, tổ chức, địa chỉ, số điện thoại, fax).

**CHƯƠNG 5. QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

**5.1. Triển khai ứng phó sự cố tràn dầu**

***5.1.1. Xử lý thông tin và báo cáo, thông báo về sự cố tràn dầu***

*5.1.1.1. Xử lý thông tin:*

- Khi nhận được thông tin báo cáo về sự cố tràn dầu, Ban Chỉ huy phải thực hiện xử lý thông tin gồm các nội dung sau:

+ Đánh giá tính xác thực của thông tin về sự cố;

+ Sơ bộ đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả có thể của sự cố;

+ Chỉ đạo Đội ứng phó triển khai phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp với tình huống theo phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, nhân lực tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ).

*5.1.1.2. Báo cáo, thông báo về sự cố tràn dầu*

- Báo cáo, thông báo đến các cơ quan có chức năng về tình hình xử lý thông tin và các biện pháp triển khai phối hợp ứng phó cụ thể và các đề xuất kiến nghị.

- Thông báo với cơ quan, đơn vị đã ký kết hợp đồng hỗ trợ ứng phó trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có).

- Cập nhật thông tin (địa chỉ, số điện thoại liên hệ) của các cơ quan, đơn vị phối hợp (nếu có).

- Thông báo cho đơn vị có khả năng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu (đối với sự cố vượt quá khả năng tự ứng phó của cảng, cơ sở, dự án).

- Cập nhật thông tin (địa chỉ, số điện thoại liên hệ) của các cơ quan, đơn vị phối hợp.

- Thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trong vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về sự cố tràn dầu để chủ động ứng phó, khắc phục.

- Cập nhật thông tin (địa chỉ, số điện thoại liên hệ) của các cơ quan, đơn vị và người dân có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu (nếu có).

*5.1.1.3. Báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu đối với cơ quan chức năng*

- Báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu.

1. Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu: Thực hiện khi phát hiện về sự cố tràn dầu;

2. Các báo cáo sự cố tràn dầu tiếp theo: Thực hiện định kỳ hàng ngày trong quá trình ứng phó sự cố tràn dầu;

3. Báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu: Thực hiện khi kết thúc các hoạt động ứng phó;

4. Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu: Thực hiện để tổng hợp tình hình ứng phó sự cố tràn dầu từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

**5.2. Tổ chức triển khai ứng phó sự cố tràn dầu**

***5.2.1. Đối với sự cố tràn dầu ở quy mô cơ sở tự ứng cứu***

- Mô tả cụ thể các hoạt động triển khai ứng phó, trong đó phải làm rõ việc phân công điều động các vị trí ứng phó và nhiệm vụ của từng thành viên thực hiện ứng phó tại hiện trường.

***5.2.2. Đối với sự cố tràn dầu vượt quá khả năng tự ứng cứu của cơ sở***

Mô tả các biện pháp chủ động ứng phó tại chỗ và phương án phối hợp triển khai ứng phó.

**5.3. Kết thúc hoạt động ứng phó**

- Công tác thu dọn hiện trường sau sự cố, xử lý chất thải thu gom sau sự cố, làm sạch vệ sinh môi trường.

- Tổ chức quan trắc môi trường sau sự cố, dự kiến ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường.

- Công tác tài chính thanh toán cho những bên liên quan tham gia hỗ trợ và bồi thường thiệt hại (nếu có).

**CHƯƠNG 6. CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI**

**6.1. Cam kết tài chính**

Nội dung cam kết tài chính phải được chủ cơ sở được thể hiện bằng văn bản kèm theo báo cáo.

**6.2. Thủ tục bồi thường thiệt hại**

***6.2.1. Bồi thường thiệt hại đối với môi trường***

***6.2.2. Bồi thường thiệt hại về kinh tế***

***6.2.3. Bồi thường thiệt hại khác có liên quan***

**6.3. Xác định thiệt hại từ sự cố tràn dầu**

**CHƯƠNG 7. TẬP HUẤN, DIỄN TẬP, CẬP NHẬT VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH**

**7.1. Tập huấn, diễn tập**

**7.1.1. Kế hoạch tập huấn, diễn tập**

- Dự kiến kế hoạch (thời gian, địa điểm, nội dung...)

**7.1.2. Dự kiến danh sách các cán bộ nhân viên sẽ được tập huấn, diễn tập theo từng đợt**

**7.1.3. Những đơn vị, cơ quan tổ chức liên kết đào tạo, tập huấn**

**7.2. Diễn tập**

- Xây dựng tình huống diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu điển hình, tình huống lượng dầu tràn lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất đối với từng đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (từ khi phát hiện sự cố đến khi kết thúc sự cố, thu dọn hiện trường).

- Kịch bản diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu phải thể hiện cụ thể, phù hợp với vị trí thực tế, phân công rõ vị trí, nhiệm vụ ứng phó của từng thành viên và sơ đồ triển khai.

**7.3. Cập nhật và phát triển Kế hoạch**

Khi có sự thay đổi nội dung Kế hoạch; Chủ cơ sở sẽ báo cáo UBND các quận/huyện/thị xã/ và chỉ thay đổi khi có sự chấp thuận của UBND các quận/ huyện/thị xã.

**CHƯƠNG 8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**8.1. Tổ chức thực hiện Kế hoạch**

**8.2. Thực hiện**

- Mô tả trách nhiệm thực hiện của các phòng, ban, đơn vị.

- Mô tả trách nhiệm đơn vị phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có).

**PHỤ LỤC**

1. Hồ sơ pháp lý liên quan đến cơ sở;

2. Hồ sơ kỹ thuật liên quan đến cơ sở: Sơ đồ mặt bằng, sơ đồ công nghệ; quy trình vận hành, thiết kế kỹ thuật có liên quan...

3. Quyết định thành lập Ban Chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;

4. Cam kết đảm bảo tài chính.

**4. Thủ tục Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ**

**a. Trình tự thực hiện:**

**\*** Đối với tổ chức, cá nhân:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính của UBND cấp huyện

- Lấy phiếu nhận và hẹn trả kết quả giải quyết TTHC

\* Đối với Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính của UBND cấp huyện:

- Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân;

- Trả Phiếu nhận và hẹn trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân

**b, Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c, Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ của đơn vị đo đạc (Theo mẫu)

- Bản sao các tài liệu và hồ sơ đất đai của chủ sử dụng đất;

- 05 bộ bản đồ và 01 đĩa mềm ghi dữ liệu đo đạc bản đồ;

**d, Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết TTHC)

**e, Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**f, Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

**g, Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bản đồ hiện trạng, Bản đồ địa chính phục vụ công tác Giải phóng mặt bằng có xác nhận của Phòng Tài nguyên Môi trường cấp huyện.

**h, Lệ phí:** không

**i, Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ

**k, Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

**l, Cơ sở pháp lý:**

- Luật Đo đạc bản đồ năm 2018

- Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH VÀ NGHIỆM THU BẢN ĐỒ**

**Kính gửi:** PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẬN BẮC TỪ LIÊM

1. Đơn vị đo đạc xin thẩm định:.................................................................................

2. Chủ đầu tư:..............................................................................

3. Dự án:.........................................................................................

4. Địa điểm khu đất xin thẩm định:.............................................................................

5. Diện tích khu đất (m2):...........................................................................................

6. Nguồn vốn để thực hiện dự án:...............................................................

7. Các nội dung khác (nếu có):...................................................................

8. Điện thoại liên hệ:...................................Email:....................................

Kính đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bắc Từ Liêm kiểm tra và xác nhận Bản vẽ để đơn vị, cá nhân tiếp tục triển khai Dự án

Xin trân trọng cảm ơn!

Bắc Từ Liêm, ngày..........tháng............năm............

**Đơn vị xin kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**5. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường**

***a.* Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ*

Tổ chức/cá nhân (Chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện.

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ*

Cơ quan cấp phép xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì thông báo để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

*Bước 3: Thẩm định hồ sơ, kiểm tra và trả kết quả*

Cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau:

+ *Đối với dự án đầu tư,* cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;

+ *Đối với cơ sở đang hoạt động*, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế.

- Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có). Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, cơ quan cấp phép có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Cơ quan cấp phép không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này.

- Căn cứ kết quả thẩm định của tổ thẩm định hoặc kết quả kiểm tra của tổ kiểm tra, cơ quan cấp phép xem xét, cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư, cơ sở trong trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.

## b. Cách thức thực hiện:

**-** *Nộp hồ sơ:*

+ Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép, bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

\* Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

\* Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan cấp phép.

*- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

## Thành phần, số lượng hồ sơ:

- 01 bản chính Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);*

- 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:

+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

- 01 bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

## Thời hạn giải quyết:

d1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **15** (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:

\* Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

\* Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

d2. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là **05** (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.

## đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

## e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

*- Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND huyện;

*- Cơ quan trực tiếp thực hiện:* cơ quan được UBND huyện giao thực hiện.

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

* Giấy phép môi trường *(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*;
* Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.

1. **Phí, lệ phí:**

Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng.

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.

## Tên các mẫu đơn

*- Mẫu 01:* Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

*- Mẫu 02:* Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

*- Mẫu 03:* Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ- CP).*

## Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án đầu tư nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức;

- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên.

## l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

* Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
* Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
* Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới bản hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.
* Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020

**CÁC MẪU VĂN BẢN**

# Mẫu 01

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III**

*(Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

# Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

**Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư**

(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**

**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư (2)

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (\*)**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …*

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

# Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ dự án đầu tư: ……………

- Địa chỉ văn phòng: …………………………………

* Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:……………

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..…………

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:….ngày của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:………………………………………

* Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ………………………………
* Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):……………………………………………………… ……...

1. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:
   1. Công suất của dự án đầu tư:…………………………………………..
   2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lực chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:………………………………………

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:…………………………………………..

1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:…………………………………
2. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):……………

# Chương II

**SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

# Chương III

**HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

* Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;
* Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có).

1. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

* Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.
* Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.
* Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

1. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

# Chương IV

**ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:
   1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có).
   2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.
   3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: Các công trình giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
   4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.
   5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành
   1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

* Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);
* Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:
* Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);

* Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):
* Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);
* Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);
* Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:
* Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;
* Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).
  1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:
* Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;
* Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).
  1. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

1. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

* Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.
* Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
* Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.
* Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
* Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

# Chương V

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

* Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.
* Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).
* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
* Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

* Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.
* Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).
* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
* Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

* Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.
* Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

# Chương VI

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:
   1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

* 1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:
* Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.
* Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.
   1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

* Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
  1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:
* Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
  1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

# Chương VIII

**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

* Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
* Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

* Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
* Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;
* Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
* Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
* Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);
* Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
* Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ q uan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

# Mẫu 02

# Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III

*(Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

# Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

**Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở**

(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**

**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở (2)

**CHỦ CƠ SỞ (\*)**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …*

* 2. ***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

# Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1. Tên chủ cơ sở: ……………………………………

- Địa chỉ văn phòng: ……………………………………

* + Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:……………………

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..………

* + Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…..ngày……..của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:…………………………………………………

- Địa điểm cơ sở: ……………………………………………

* + Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):……………………….
  + Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):……………………………………………………

1. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

Công suất hoạt động của cơ sở:…………………………………………

Công nghệ sản xuất của cơ sở:………………………………………

3.3. Sản phẩm của cơ sở:………………………………………………

1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:…………………………………………
2. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):…………………………

# Chương II

**SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

# Chương III

**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

* 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):
  2. Thu gom, thoát nước mưa:
* Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;
* Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).
  1. Thu gom, thoát nước thải:
* Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;
* Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;
* Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;
* Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;
* Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).
  1. Xử lý nước thải:
* Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

* 1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có): Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:
* Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

* Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;
* Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).
  1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:
* Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.
* Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành.
* Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn.
* Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,…) phát sinh tại cơ sở;
* Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có)
  1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:
* Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

* + Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;
  + Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);
  + Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).
  1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):
* Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.
* Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ
  1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:
* Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;
  + Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).
  1. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

# Chương IV

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):
   * Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* + Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.
  + Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở).
  + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
  + Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):
   * Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* + Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.
  + Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)
  + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):
   * Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* + Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.
  + Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)
  + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
  + Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):
   * Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.
   * Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

# Chương V

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

# Chương VI

**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

* 1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:
  + Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.
  + Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.
  + Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.
   1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:
   * Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   * Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:
   * Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   * Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

# Chương VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.

# Chương VIII

**CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

* + Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

* + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
  + Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
  + Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;
  + Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
  + Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở (nếu có);
  + Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
  + Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
  + Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
  + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (nếu có); các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường không thể hiện nội dung quy định tại Chương I và Chương III Biểu mẫu này.

# Mẫu 03

# Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

*(Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  Số: ……….  V/v đề nghị cấp giấy phép  môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Địa danh, ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số … Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số…/…../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm … của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

* Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:……./GPMT-

….. ngày…. tháng….năm….. (*chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

1. Địa chỉ trụ sở chính của (1):
2. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…….ngày……..của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

1. Người đại diện theo pháp luật của (1):…………… Chức vụ:…….....

- Điện thoại: …………….; Fax: …………………..; E-mail: ………

1. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

Chức vụ:…………… Điện thoại:…………..…; Email:………………

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

1. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

* 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);
* 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);
* 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên;   - …;   * Lưu: … | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA …(1)…**  *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

**6. Thủ tục Cấp đổi giấp phép môi trường**

## Trình tự thực hiện:

*Bước 1: Nộp hồ sơ*

Tổ chức/cá nhân (Chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường đến cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ dự án đầu tư, cơ sở gửi cơ quan cấp phép văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ*

Cơ quan cấp phép xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì thông báo để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

*Bước 3: Thẩm định hồ sơ, trả kết quả*

* + Cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép.
  + Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền cấp đổi giấy phép môi trường cho chủ dự án đầu tư, cơ sở với thời hạn còn lại của giấy phép.

## Cách thức thực hiện:

**-** *Nộp hồ sơ:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép.

* *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

## Thành phần, số lượng hồ sơ:

* 01 bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*.
* 01 bản sao hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.

## Thời hạn giải quyết:

* *Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường:* Tối đa **10** (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

*Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.*

## đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường.

## Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân huyện;
* *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* cơ quan được ủy quyền (nếu có).

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép môi trường cấp đổi *(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*.

## Phí, lệ phí:

Không

## Tên các mẫu đơn

* Mẫu 01: Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

## Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.

## Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

* Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
* Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
* Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
* Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
* Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới bản hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CÁC MẪU VĂN BẢN

# Mẫu 01

**Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở**

*(Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  Số: ……….  V/v đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Địa danh, ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3) Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án, cơ sở (2).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, (1) đề nghị (3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin về giấy phép môi trường đã được cấp: Giấy phép môi trường số……./GPMT-….. ngày….tháng…..năm…...

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: …………………………………………

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở: …………………………………………

1. Thông tin đề nghị thay đổi trong giấy phép môi trường của (2).

- Tên dự án đầu tư, cơ sở:………………………………………

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở: …………………………………………

(Chỉ liệt kê những thay đổi và thuộc trường hợp cấp đổi giấy phép môi trường) 3. Địa chỉ liên hệ của (1):……………………………………….....................

* Người đại diện theo pháp luật của (1):……….. Chức vụ………………..

- Điện thoại: …………….; Fax: ………………; E-mail: …………….

Chúng tôi xin gửi đến (3) Bản Phụ lục kèm theo Văn bản này, gồm:

*Liệt kê danh mục các tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chứng minh pháp nhân hợp lệ của (1) đối với (2).*

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các hồ sơ, tài liệu được cung cấp kèm theo văn bản này, đồng thời cam kết không thay đổi các nội dung khác của Giấy phép môi trường số…./GPMT- …. ngày …. tháng …. năm… nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên;   - …;   * Lưu: … | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA …(1)…**  *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú*:** (1) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

# 7. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

## Trình tự thực hiện:

*Bước 1. Nộp hồ sơ*

Tổ chức/cá nhân (Chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đến cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND cấp huyện cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau:

* + Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải;
  + Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải;
  + Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung;
  + Các thay đổi khác.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ*

Cơ quan cấp phép xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì thông báo để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

*Bước 3. Thẩm định hồ sơ, trả kết quả*

* + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp phép cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án đầu tư, cơ sở;
  + Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, cơ quan cấp phép có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Cơ quan cấp phép không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan cấp phép cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án đầu tư, cơ sở.

## Cách thức thực hiện:

**-** *Nộp hồ sơ:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép.

* *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép.

## Thành phần, số lượng hồ sơ:

* 01 bản chính Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*.

## Thời hạn giải quyết:

*- Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:* tối đa **15** (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

*Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.*

## đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

## Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân huyện.
* *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* cơ quan được UBND huyện giao thực hiện.

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

* Giấy phép môi trường điều chỉnh *(mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*.

1. ***Phí, lệ phí***:

Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 3.300.000 đồng

- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng

## Tên các mẫu đơn

* *Mẫu 01:* Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

## Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi nội dung cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường 2020 theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

## Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

* Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
* Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
* Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
* Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
* Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới bản hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.
* Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020

CÁC MẪU VĂN BẢN

# Mẫu 01

**Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở**

*(Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  Số: ……….  V/v đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Địa danh, ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số … Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số…/…../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm … của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

* Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:……./GPMT-….. ngày…. tháng….năm….. (*chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

1. Địa chỉ trụ sở chính của (1):
2. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…….ngày……..của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

1. Người đại diện theo pháp luật của (1):……………… Chức vụ:………

- Điện thoại: …………….; Fax: ………………..; E-mail: ……

1. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục………………………

Chứcvụ:………………... Điện thoại:…………..………; Email:………

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

1. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

* 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);
* 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);
* 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên;   - …;   * Lưu: … | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA …(1)…**  *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

# 8. Thủ tục cấp lại giấy phép môi trường

**8. Thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường**

## Trình tự thực hiện:

*Bước 1. Nộp hồ sơ*

Tổ chức/cá nhân (Chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đến cơ quan cấp phép theo một trong các trường hợp sau:

i. Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;

ii. Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;

iii. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để đảm bảo đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

iv. Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơngửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ*

Cơ quan cấp phép xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì thông báo để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

*Bước 3. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra và trả kết quả*

* + Cơ quan cấp phép thành lập hội đồng thẩm định, tổ thẩm định hoặc đoàn kiểm tra theo một trong các trường hợp sau:

+ *Đối với dự án đầu tư*, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;

+ *Đối với cơ sở đang hoạt động*, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.

* + Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, cơ quan cấp phép có văn bản thông báo cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. Cơ quan cấp phép không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này.
  + Căn cứ kết quả thẩm định của tổ thẩm định hoặc kết quả kiểm tra của tổ kiểm tra, cơ quan cấp phép xem xét, cấp lại giấy phép môi trường cho cơ sở trong trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường hoặc có văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.

## Cách thức thực hiện:

**-** *Nộp hồ sơ:*

+ Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép (bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

* Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;
* Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan cấp phép.

* *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

## Thành phần, số lượng hồ sơ:

* 01 bản chính Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*;
* 01 bản chính Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:

+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: *mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*;

+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: *mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;*

- 01 bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

## Thời hạn giải quyết:

* *Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường:*

+ Tối đa **20** (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm i và điểm iii Bước 1 mục a;

+ Tối đa **30** (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm ii và điểm iv Bước 1 mục a (trong đó, tối đa **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:

* Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;
* Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

*Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.*

## đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.

## Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND huyện;
* *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* cơ quan được UBND huyện giao thực hiện.

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

* Giấy phép môi trường *(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)*;
* Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường.

## Phí, lệ phí:

Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng.

- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.

## Tên các mẫu đơn

* *Mẫu 01:* Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*;
* *Mẫu 02:* Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III *(mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);*
* *Mẫu 03:* Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở *(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

## Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Giấy phép môi trường hết hạn;
* Dự án đầu tư, cơ sở có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

## Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

* Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
* Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới bản hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.
* Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020

CÁC MẪU VĂN BẢN

# Mẫu 01

**Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III**

*(Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

# Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

**Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư**

(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**

**CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư (2)

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (\*)**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …*

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

# Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Tên chủ dự án đầu tư: ………………………………………

- Địa chỉ văn phòng: …………………………………

* Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:……………………

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..………

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…..ngày…………của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:………………………………………

* Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: …………………………………
* Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):………………………………………………………

1. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:
   1. Công suất của dự án đầu tư:…………………………………………
   2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lực chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:………………………………………………………

Sản phẩm của dự án đầu tư:………………………………………

1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:……………………………
2. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):……………….

# Chương II

**SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

# Chương III

**HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

* Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;
* Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có).

1. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

* Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.
* Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.
* Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

1. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

# Chương IV

# ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:
   1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có).
   2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.
   3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: Các công trình giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
   4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.
   5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

* Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);
* Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:
* Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);
* Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):
* Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);
* Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;
* Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);
* Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).
  1. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:
* Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;
* Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).
  1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:
* Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;
* Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).
  1. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

1. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

* Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.
* Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
* Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.
* Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
* Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

# Chương V

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

* Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.
* Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).
* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
* Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

* Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.
* Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).
* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
* Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

* Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.
* Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

# Chương VI

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:
   1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

* 1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:
* Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.
* Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.
   1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

* Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
  1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:
* Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
  1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

# Chương VIII

**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

* Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
* Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

* Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
* Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;
* Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
* Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
* Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);
* Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
* Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

# Mẫu 02

# Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III

*(Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

# Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

**Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở**

(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**

**CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở (2)

**CHỦ CƠ SỞ (\*)**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

*Địa danh (\*\*), tháng … năm …*

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

# Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở.

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1. Tên chủ cơ sở: ………………………………………………………

- Địa chỉ văn phòng: ………………………………………………………

* + Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:………………………

- Điện thoại: …………………; Fax:……………; E-mail:..…………

* + Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…..ngày……..của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:…………………………………………………

* + Địa điểm cơ sở:…………………………………………………
  + Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):………………
  + Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):……………………………………………………… ……..

1. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:
   1. Công suất hoạt động của cơ sở:……………………………………
   2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:………………………………………

Sản phẩm của cơ sở:………………………………………………

1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:………………………………………
2. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):…………………

# Chương II

**SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

# Chương III

**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

* 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

Thu gom, thoát nước mưa:

* Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;
* Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).
  1. Thu gom, thoát nước thải:
* Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;
* Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;
* Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;
* Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;
* Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).
  1. Xử lý nước thải:
* Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;
* Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).
  1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có): Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:
* Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;
* Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);
* Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;
* Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).
  1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:
* Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.
* Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành.
* Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn.
* Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,…) phát sinh tại cơ sở;
* Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có)
  1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

* + Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;
  + Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;
  + Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);
* Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).
  1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):
* Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.
* Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ
  1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

* + Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).
  1. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

# Chương IV

**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):
   * Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* + Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.
  + Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở).
  + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
  + Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):
   * Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

……………….

* + Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.
  + Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)
  + Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
  + Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):
   * Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.
   * Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

# Chương V

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

# Chương VI

**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:
   1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

* 1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:
  + Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.
  + Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.
  + Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.
   1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:
   * Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   * Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:
   * Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   * Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
   1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.
2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

# Chương VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**

**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.

# Chương VIII

**CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

* + Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

* + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
  + Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
  + Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;
  + Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
  + Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở (nếu có);
  + Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
  + Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
  + Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
  + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (nếu có); các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường không thể hiện nội dung quy định tại Chương I và Chương III Biểu mẫu này.

# Mẫu 03

# Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

*(Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  Số: ……….  V/v đề nghị cấp lại giấy phép  môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Địa danh, ngày … tháng … năm .…* |

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số … Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số…/…../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm … của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

* Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:……./GPMT-….. ngày…. tháng….năm….. (*chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

1. Địa chỉ trụ sở chính của (1):
2. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:…….ngày……..của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

1. Người đại diện theo pháp luật của (1):……………… Chức vụ:…….

Điện thoại: …………….; Fax: …………………..; E-mail: …………

1. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:………………

Chức vụ:……………...Điện thoại:…………..…………; Email:………

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

1. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

* 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);
* 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);
* 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên;   - …;   * Lưu: … | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA …(1)…**  *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

**9. Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời hạn giải quyết** | **Đối tượng, địa điểm, cơ quan thực hiện** | **Căn cứ pháp lý** | **Phí, Lệ phí** |
| 45 ngày làm việc | **\* Đối tượng:** Tổ chức, cá nhân  **\* Nộp hồ sơ:**  Trực tiếp tại UBND cấp huyện  **\* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:**  - Phòng Tài nguyên Môi trường  - Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng ban của UBND cấp huyện.  **\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch UBND cấp huyện | - Luật đất đai năm 2013  - Nghị định số [43/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-dat-dai-230680.aspx) ngày 15/5/2014  - Nghị định số [01/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-01-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-337031.aspx) ngày 06/01/2017  - Quyết định số [2555/QĐ-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-2555-qd-btnmt-2017-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-dat-dai-bo-tai-nguyen-369123.aspx) ngày 20/10/2017  - Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội | Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số [06/2020/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=06/2020/NQ-H%C4%90ND&match=True&area=2&lan=1&bday=07/7/2020&eday=07/7/2020) ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành) |

**10. Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư**

***1. Trình tự thực hiện:***

(1) Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện.

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc gửi xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức kiểm tra thực địa.

(3) Phòng Tài nguyên và Môi trường có văn bản thẩm định gửi đến người xin giao đất, thuê đất.

***2. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

**N**ộp 01 bộ hồ sơ gồm:

(1) Đơn xin giao đất, cho thuê đất (theo mẫu 01)

(2) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất).

***4. Thời hạn giải quyết:***

- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

***8. Lệ phí (nếu có):*** Không quy định.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):***

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật đất đai năm 2013

- Các nghị định: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021

- Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội

**Mẫu số 01. Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…...., ngày........ tháng ….....năm ......*

# ĐƠN [[1]](#footnote-1)……………

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[2]](#footnote-2)** ..................................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[3]](#footnote-3) ………

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.................................................................

3. Địa chỉ liên hệ:...........................................................................

4. Địa điểm khu đất:..................................................................................

5. Diện tích (m2):.............................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[4]](#footnote-4)...........................................................................

7. Thời hạn sử dụng:…………… …………………….....…………………

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có)...............................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**11. Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất**

**1. Trình tự thực hiện:**

(1) Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người xin giao đất, thuê đất lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính.

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất.

(3) Người được giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, người được thuê đất nộp tiền thuê đất.

(4) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(5) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

(6) Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**N**ộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn xin giao đất, cho thuê đất;

b) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất).

c) Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết:

+ Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).

+ Không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định giao đất (đối với trường hợp giao đất).

- Quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).

- Giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

**8. Lệ phí (nếu có):**

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):**

- Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Quyết định giao đất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Hợp đồng cho thuê đất theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

-Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017

- Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội

**Mẫu số 01. Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…...., ngày........ tháng ….....năm ......*

# ĐƠN [[5]](#footnote-5)……………

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[6]](#footnote-6)** ..................................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[7]](#footnote-7) …………….

2. Địa chỉ/trụ sở chính:....................................................................................................

3. Địa chỉ liên hệ:...........................................................................…………………….

4. Địa điểm khu đất:........................................................................................................

5. Diện tích (m2):.............................................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[8]](#footnote-8).........................................................................................

7. Thời hạn sử dụng:…………… …………………….....……………………………..

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có)..............................................................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**12. Thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân**

**1. Trình tự thực hiện:**

(1) Người sử dụng đất nộp đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

(3) Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

(4) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(5) Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

(6) Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**N**ộp 01 bộ hồ sơ gồm:

(1) Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết:

+ Không quá 15 ngày (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).

+ Không quá 25 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ gia đình, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan thực hiện thủ tục:Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**8. Lệ phí (nếu có):**

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):**

- Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

- Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**-** Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017

- Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội

**Mẫu số 01. Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…...., ngày........ tháng ….....năm ......*

# ĐƠN [[9]](#footnote-9)……………

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[10]](#footnote-10)** ..................................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[11]](#footnote-11) …………….

2. Địa chỉ/trụ sở chính:....................................................................................................

3. Địa chỉ liên hệ:...........................................................................…………………….

4. Địa điểm khu đất:........................................................................................................

5. Diện tích (m2):.............................................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[12]](#footnote-12).........................................................................................

7. Thời hạn sử dụng:…………… …………………….....……………………………..

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có)..............................................................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**13. Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam**

**1. Trình tự thực hiện:**

(1) Xác định căn cứ thu hồi đất theo từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân người sử dụng đất chết mà không có người thừa kế có trách nhiệm gửi Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật và văn bản xác nhận không có người thừa kế của Ủy ban nhân dân cấp xã đến Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có đất thu hồi đối với trường hợp thu hồi đất của cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế; b) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất; c) Hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát và có thông báo về những trường hợp không được gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất có thời hạn.  
 (2) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp xét thấy cần thiết.

(3) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất.

(4) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu hồi đất trên thực địa và bàn giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; trường hợp phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất thì thực hiện như sau: a) Sau khi có quyết định thu hồi đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi bàn giao đất; b) Sau khi vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi không thực hiện quyết định thu hồi đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; c) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình Ủy ban nhân dân cấp đã ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt; d) Tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế tự nguyện thực hiện việc bàn giao đất; nếu người bị cưỡng chế chấp nhận thi hành thì tổ chức được giao thực hiện cưỡng chế lập biên bản và thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chậm nhất 05 ngày kể từ ngày lập biên bản; đ) Tổ chức lực lượng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp đã được vận động, thuyết phục mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không chấp nhận thi hành quyết định cưỡng chế.   
 (5) Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc thông báo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không còn giá trị pháp lý đối với trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc nộp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.  
 (6) Trường hợp người có đất thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, do vi phạm pháp luật đất đai mà có khiếu nại quyết định thu hồi đất thì việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến

**3. Thành phần hồ sơ:**

**\* Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế:**

| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| (1) Giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố cá nhân sử dụng đất là đã chết theo quy định của pháp luật; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| (2) Văn bản xác nhận không có người thừa kế của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân sử dụng đất đã chết; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm: |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d , đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**\* Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:**

| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| (1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d , đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**\* Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:**

| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| (1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d , đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| (6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**\* Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất:**

| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| Quyết định thu hồi đất; | Mẫu số 11.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

**4. Thời hạn giải quyết:**

15 ngày làm việc

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục:Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất.

**8. Lệ phí (nếu có):**

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm):**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**-** Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

- Luật Thủ đô ngày 21/11/2012

**-** Luật Đất đai năm 2013.

- Luật Xây dựng năm 2014; Luật xây dựng sửa đổi năm 2020

- Luật nhà ở 2014

- Luật đầu tư 2020

- Luật kinh doanh bất động sản 2014

- Các nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014; số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Các Quyết định số: [18/2020/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-18-2020-qd-ubnd-thuc-hien-co-che-mot-cua-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-ha-noi-451900.aspx) ngày 04/9/2020, [10/2017/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-10-2017-qd-ubnd-sua-doi-chuc-nang-nhiem-vu-tuyen-chon-quan-ly-thu-y-xa-vinh-phuc-2017-346717.aspx) ngày 31/3/2017, [11/2017/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-11-2017-qd-ubnd-thu-hoi-giao-cho-thue-chuyen-muc-dich-su-dung-dat-dau-tu-ha-noi-2017-345770.aspx) ngày 31/3/2017, số [22/2022/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-22-2022-qd-ubnd-sua-doi-quyet-dinh-11-2017-qd-ubnd-ha-noi-514872.aspx) ngày 25/5/2022, 4135/QQD-UBND ngày 31/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội.

**14. Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời hạn giải quyết** | **Đối tượng, địa điểm, cơ quan thực hiện** | **Căn cứ pháp lý** | **Phí, Lệ phí** |
| 15 ngày làm việc | **\* Đối tượng:** cá nhân  **\* Nộp hồ sơ:**  - Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp huyện.  - Nộp hồ sơ trực tuyến.  **\* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:**  Phòng Tài nguyên và Môi trường  **\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND cấp huyện | - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;  - Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;  - Luật Đất đai năm 2013;  - Luật Xây dựng năm 2014; Luật xây dựng sửa đổi năm 2020;  - Luật Nhà ở 2014;  - Luật Đầu tư 2020;  - Luật Kinh doanh bất động sản 2014;  - Các Nghị định số: [43/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-dat-dai-230680.aspx) ngày 15/5/2014; [44/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-44-2014-nd-cp-quy-dinh-ve-gia-dat-230632.aspx) ngày 15/5/2014; [45/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-45-2014-nd-cp-thu-tien-su-dung-dat-234574.aspx) ngày 15/5/2014; [46/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-46-2014-nd-cp-thu-tien-thue-dat-thue-mat-nuoc-234575.aspx) ngày 15/5/2014; [47/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-47-2014-nd-cp-boi-thuong-ho-tro-tai-dinh-cu-khi-nha-nuoc-thu-hoi-dat-230624.aspx) ngày 15/5/2014; [01/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-01-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-337031.aspx) ngày 06/01/2017; [148/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-148-2020-nd-cp-sua-doi-mot-so-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-427504.aspx) ngày 18/12/2020 của Chính phủ.  - Thông tư số [25/2014/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-25-2014-tt-btnmt-ban-do-dia-chinh-236562.aspx) ngày 19/5/2014; số [30/2014/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-30-2014-tt-btnmt-ho-so-giao-cho-thue-chuyen-muc-dich-su-dung-thu-hoi-dat-239132.aspx) ngày 02/6/2014; số [36/2014/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-36-2014-tt-btnmt-phuong-phap-dinh-gia-dat-xay-dung-dieu-chinh-bang-gia-dat-242349.aspx) ngày 30/6/2014; [33/2017/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-33-2017-tt-btnmt-huong-dan-nghi-dinh-01-2017-nd-cp-luat-dat-dai-340179.aspx) ngày 29/9/2017; [09/2021/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-09-2021-tt-btnmt-sua-doi-thong-tu-huong-dan-luat-dat-dai-482575.aspx) ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường  - Quyết định số [1839/QĐ-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-1839-qd-btnmt-2014-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-dat-dai-255325.aspx) ngày 27/8/2014; của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Các Quyết định số: [18/2020/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-18-2020-qd-ubnd-thuc-hien-co-che-mot-cua-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-ha-noi-451900.aspx) ngày 04/9/2020, [10/2017/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-10-2017-qd-ubnd-sua-doi-chuc-nang-nhiem-vu-tuyen-chon-quan-ly-thu-y-xa-vinh-phuc-2017-346717.aspx) ngày 31/3/2017, [11/2017/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-11-2017-qd-ubnd-thu-hoi-giao-cho-thue-chuyen-muc-dich-su-dung-dat-dau-tu-ha-noi-2017-345770.aspx) ngày 31/3/2017, số [22/2022/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-22-2022-qd-ubnd-sua-doi-quyet-dinh-11-2017-qd-ubnd-ha-noi-514872.aspx) ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố. | Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số [06/2020/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=06/2020/NQ-H%C4%90ND&match=True&area=2&lan=1&bday=07/7/2020&eday=07/7/2020) ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành) |

1. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-2)
3. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-5)
6. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-6)
7. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-7)
8. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-9)
10. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-11)
12. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-12)